TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 25/01/2018
V/v:"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân;

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương, là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL: Ông Nguyễn Ngọc Thắng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Bình Thuận. Tòa án nhân dân huyện TL mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2017, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện TL, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ thường trú tại: Xóm 1, thôn Đ, xã ĐT, huyện Tánh Lih, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 6, thôn 3, xã B, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ thường trú tại: Xóm 1, thôn Đ, xã ĐT, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

(*Anh T có nộp đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử ngày 12/01/2018*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Th tại phiên tòa hôm nay, thì:

Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Chị và anh T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 17/12/2005, nhưng không có đăng ký kết hôn do lúc đó anh T chưa đủ tuổi kết hôn. Thời gian đầu kết hôn, chị và anh T chung sống với nhau hạnh phúc. Từ tháng 12 năm 2013, giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, ham chơi và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có những lúc chị khuyên ngăn để chị và anh T chung sống hạnh phúc thì anh T chửi mắng và thậm chí còn đánh đập chị nhiều lần. Do không thể chịu đựng được nữa nên chị Th đã bỏ đi về nhà mẹ ruột sống từ năm 2015 cho đến nay. Cũng từ đó, chị sống ly thân anh T cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh T không liên lạc với nhau, có những lúc chị muốn về nhà thăm con, nhưng anh T không cho. Hiện nay, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị với anh T không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm yêu thương anh T nữa. Do đó, chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 15/8/2006 và Nguyễn Thị Thùy Trâm, sinh ngày 02/9/2011, hiện nay 02 cháu đang ở với ông bà nội và anh T. Trường hợp ly hôn, chị đồng ý giao 02 con cho anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Nguyễn Ngọc T có trong hồ sơ vụ án, thì:

Anh T và chị Th tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Anh, chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn hay không, anh không muốn trình bày cho Tòa án biết. Hiện nay, chị Th yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 15/8/2006 và Nguyễn Thị Thùy Trâm, sinh ngày 02/9/2011. Hiện nay, 02 cháu đang ở với anh và ông bà nội các cháu. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã có lời khai tại Tòa và có đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Đến cuối năm 2013, chị Th và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, không cùng quan điểm sống, anh T không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Những lúc mâu thuẫn, chị Th và anh T không tìm cách giải quyết mâu thuẫn mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến anh T đánh đập chị Th. Từ năm 2015, chị Th và anh T ly thân cho đến nay.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì:

"*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

Theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội thì:

"*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết*".

Và theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp, thì:

"*Đối với trường hợp nam và nữ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/01/2001 trở đi mà không đăng ký kết hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, họ không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu một trong các bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án để giải quyết và áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc*

hội, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng; nếu họ có yêu cầu về nuôi con và chia tài sản, thì Toà án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo thủ tục chung".

Xét thấy; từ năm 2007 trở đi, chị Th và anh T là những người có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03 tháng 01 năm 2001, của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp . Do đó, khi có yêu cầu giải quyết ly hôn, thì Hội đồng xét xử tuyên không công nhận chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Các bên đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống chị Th và anh T sinh được 02 người con chung là: Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 15/8/2006 và Nguyễn Thị Thùy Trâm, sinh ngày 02/9/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th và anh T đã thống nhất giao 02 con Tú và Trâm cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con Tú và điều kiện sinh sống của các con.

Nghĩa nên, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự. Theo đó, anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Nguyễn Ngọc Tú và Nguyễn Thị Thùy Trâm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đương sự không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xét trong bản án này.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 203, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000, của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03 tháng 01 năm 2001, của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Anh Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con 02 con là: Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 15/8/2006 và Nguyễn Thị Thùy Trâm, sinh ngày 02/9/2011 cho đến khi thành niên.

- Chị Lê Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi các con nhưng chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Chị Lê Thị Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0012223 ngày 26/10/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL.

Chị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (*ngày 25/01/2018*), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có

quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TL;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện TL;
- UBND xã ĐT;
- Lưu HS, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiệp